

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 706/2025/DS-PT

Ngày: 10 - 12 - 2025

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán:

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Ông Nguyễn Hữu Bằng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 10 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 294/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025, về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 637/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm U, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). *Có mặt*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). *Có mặt*

- Bị đơn: Ông Phạm C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). *Có mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm L, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã An Ninh, thành phố Cần Thơ). *Có mặt*

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp B , xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). *Có mặt*

3. **Bà Phạm Thị C**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp B , xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). *Có mặt*

4. **Ông Phạm Hồng T**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp B , xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). *Có mặt*

5. **Bà Phạm Thị T**, 62 tuổi.

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã L, thành phố Cần Thơ). *Có mặt*

6. **Bà Phạm Y**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L1, thành phố Cần Thơ). *Có mặt*

7. **Bà Phạm TC**, sinh năm 1969. *Có mặt*

Địa chỉ: Ấp B , xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ).

8. **Bà Phạm VT**, sinh năm 1975 *Có mặt*

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là xã P, thành phố Cần Thơ).

9. **Bà Lê Ph (và con là Phạm Ng)**. *Vắng mặt*

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn **Phạm C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung như sau:

* *Nguyên đơn bà Phạm U trình bày*: Cha mẹ của bà là cụ ông Phạm L (chết năm 1982) và cụ bà Nguyễn S (chết năm 2017). Sau khi cụ L chết, tài sản chung của cụ L và cụ S tạo lập còn lại là 22.258m² đất, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời số 11482/HĐCG.CNRPĐ, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho cụ Nguyễn S ngày 20 tháng 10 năm 1997. Quá trình sử dụng, cụ S đã chuyển nhượng hết khoảng 14.000m², phần di sản còn lại khoảng 6.000m² cùng căn nhà tình thương tọa lạc tại ấp B , xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Lúc còn sống, cụ S đã hứa cho nguyên đơn toàn bộ phần đất còn lại khoảng 6.000m², do nguyên đơn là người chung sống với cụ S từ nhỏ. Tuy nhiên, khi nguyên đơn trưởng thành và đi lấy chồng thì bị đơn là ông Phạm C về sống chung

với cụ S và quản lý, sử dụng căn nhà và phần đất nêu trên. Đến năm 2017, nguyên đơn ly hôn với chồng, không có nơi ở nên yêu cầu bị đơn giao trả phần đất nêu trên nhưng bị đơn không đồng ý. Việc cụ S hứa cho nguyên đơn phần đất nêu trên chỉ nói miệng, không có người làm chứng, không để lại di chúc.

Nay yêu cầu bị đơn là Ông C giao trả cho nguyên đơn phần di sản của cụ bà Nguyễn S để lại khoảng 6.000m² cùng căn nhà tình thương tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

** Bị đơn ông Phạm C trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về phần di sản do cụ S để lại. Tuy nhiên, phần đất của cụ S trước đây là đất hoang, đến năm 2001 ông về sinh sống cùng cụ S mới khai phá, cải tạo và canh tác cho đến nay. Sau khi xây dựng ngôi nhà tình thương trên phần đất này, ông cùng cụ S sinh sống cho đến khi cụ S mất. Khi cụ S mất, anh, chị em trong gia đình thống nhất cho ông ở trong căn nhà trên và thực hiện việc thờ cúng cha mẹ cho đến nay. Riêng nguyên đơn không chăm sóc cụ S nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng di sản do cụ S để lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hồng T trình bày:*

Ông là con ruột của cụ ông Phạm L và cụ bà Nguyễn S. Cụ L chết năm 1982, cụ S chết năm 2017; cha mẹ ông có tất cả 11 người con, gồm: Phạm L, Phạm Văn T, Phạm Thị C, Phạm Hồng T, Phạm C, Phạm Thị T, Phạm Y, Phạm TC, Phạm VT, Phạm Văn Quây (đã chết năm 2020, có vợ là Lê Ph, và con là Phạm Ng còn nhỏ, hiện khoảng 10 tuổi) và Phạm U.

Lúc còn sống, cha mẹ ông có tạo lập khoảng hơn 100 công đất và được Nhà nước cho 01 căn nhà tình thương; cha mẹ ông đã cho ông và ông Tịnh mỗi người khoảng 25 công, cho Chì 11 công, cho bà Cúc 05 công, chuyển nhượng cho người khác khoảng 14 công, những người con khác không được cho.

Sau khi cha mẹ ông chết, có để lại khoảng 06 công đất cùng một căn nhà tình thương, ngoài ra không để lại gì khác. Toàn bộ tài sản này do Ông C quản lý sử dụng từ năm 2019 đến nay. Trước đó do bà Út quản lý sử dụng, do Phạm U sống chung với mẹ ông từ nhỏ cho đến lớn. Ông C trước đó đã có nhà, đất tại ấp Phương Thạnh, xã P, đến năm 2019 Ông C ly thân với vợ mới đưa con về ở tại căn nhà của mẹ ông.

Ông yêu cầu giao toàn bộ di sản của cha mẹ ông cho nguyên đơn bà Út quản lý để thờ cúng cha mẹ, ông xin từ chối quyền hưởng thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày:*

Ông là con ruột của cụ ông Phạm L và cụ bà Nguyễn S. Cụ L chết năm 1982, cụ S chết năm 2017; cha mẹ ông có tất cả 11 người con, gồm: Phạm L,

Phạm Văn T, Phạm Thị C, Phạm Hồng T, Phạm C, Phạm Thị T, Phạm Y, Phạm TC, Phạm VT, Phạm Văn Quây (đã chết năm 2020, có vợ là Lê Ph, và con là Phạm Ng còn nhỏ, hiện khoảng 10 tuổi) và Phạm U.

Lúc còn sống, cha mẹ ông có tạo lập khoảng hơn 100 công đất và được Nhà nước cho 01 căn nhà tình thương; cha mẹ ông đã cho ông và ông Tự mỗi người khoảng 25 công, cho Ông C khoảng 08 công, cho bà Cúc khoảng 05 công, những người con khác không được cho.

Sau khi cha mẹ ông chết, có để lại khoảng từ 04 đến 05 công đất cùng một căn nhà tình thương, ngoài ra không để lại gì khác. Toàn bộ tài sản này do ông Phạm C quản lý sử dụng từ năm 2019 đến nay. Trước đó do bà Út quản lý sử dụng, do bà Út sống chung với mẹ ông khoảng 22 năm. Ông C trước đó đã có nhà, đất tại ấp Phương Hòa và ấp Phương Thạnh, xã P, đến năm 2019 Ông C ly hôn với vợ mới đưa con về ở với mẹ ông.

Ông yêu cầu giao toàn bộ di sản cha mẹ ông cho bà Út quản lý để thờ cúng cha mẹ, ông xin từ chối quyền hưởng thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm VT trình bày:* Ông là con ruột của cụ ông Phạm L và cụ bà Nguyễn S. Cụ L chết năm 1982, cụ S chết năm 2017; cha mẹ ông có tất cả 11 người con.

Lúc còn sống, cha mẹ ông có tạo lập khoảng hơn 100 công đất và được Nhà nước cho 01 căn nhà tình thương; cha mẹ ông đã cho ông Tịnh và ông Tự mỗi người khoảng 25 công, cho Ông C khoảng 08 công, cho bà Cúc khoảng 05 công, những người con khác không được cho.

Sau khi cha mẹ ông chết, có để lại khoảng từ 05 đến 06 công đất cùng một căn nhà tình thương, ngoài ra không để lại gì khác. Toàn bộ tài sản này do Ông C quản lý sử dụng và thờ cúng cha mẹ từ năm 2019 đến nay. Trước đó do bà Út quản lý sử dụng, do bà Út sống chung với mẹ ông khoảng 22 năm.

Nay ông yêu cầu giao toàn bộ di sản trên cho Ông C quản lý để thờ cúng cha mẹ, ông xin từ chối quyền hưởng thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm TC trình bày:* Bà là con ruột của cụ ông Phạm L và cụ bà Nguyễn S. Cụ L chết năm 1982, cụ S chết năm 2017; cha mẹ bà có tất cả 11 người con, gồm: Phạm L, Phạm Văn T, Phạm Thị C, Phạm Hồng T, Phạm C, Phạm Thị T, Phạm Y, Phạm TC, Phạm VT, Phạm Văn Quây (đã chết năm 2020, có vợ là Lê Ph, và con là Phạm Ng còn nhỏ, hiện khoảng 10 tuổi) và Phạm U.

Lúc còn sống, cha mẹ bà có tạo lập khoảng hơn 100 công đất và được Nhà nước cho 01 căn nhà tình thương; cha mẹ bà đã cho ông Tịnh và ông Tự mỗi

người khoảng 25 công, cho Ông C khoảng 08 công, cho bà Cúc khoảng 05 công, những người con khác không được cho.

Sau khi cha mẹ bà chết, có để lại khoảng 04 đến 05 công đất cùng một căn nhà tình thương, ngoài ra không để lại gì khác. Toàn bộ tài sản này trước đây do bà Út quản lý sử dụng, do bà Út sống chung với mẹ bà. Hiện do Ông C quản lý từ năm 2019 đến nay. Trước đó Ông C sinh sống tại ấp Phương Thạnh, xã P, sau khi ly hôn với vợ thì Ông C đưa con về chỗ mẹ bà ở nhờ.

Nay bà yêu cầu toàn bộ di sản cha mẹ bà để lại cho bà Út, vì bà Út sống chung với mẹ bà từ nhỏ cho đến lớn, bà xin từ chối quyền hưởng thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Y, bà Phạm Thị T và bà Phạm L thống nhất trình bày:*

Bà Phạm Y, bà Phạm Thị T và bà Phạm L là con ruột của cụ ông Phạm L và cụ bà Nguyễn S. Cụ L chết năm 1982, cụ S chết năm 2017; cha mẹ các bà có tất cả 11 người con. Lúc còn sống, cha mẹ các bà có tạo lập khoảng hơn 100 công đất và được Nhà nước cho 01 căn nhà tình thương; cha mẹ các bà đã cho ông Tịnh và ông Tự mỗi người khoảng 25 công, cho Ông C khoảng 08 công, cho bà Cúc khoảng 05 công, những người con khác không được cho. Sau khi cha mẹ các bà chết, có để lại khoảng 03 công đất cùng một căn nhà tình thương, ngoài ra không để lại gì khác. Toàn bộ tài sản này do Ông C là người nuôi và ở chung với cụ S nên quản lý sử dụng khoảng 23 năm nay; bà Út có sống chung với mẹ bà, nhưng khi có chồng thì theo chồng sinh sống từ khoảng năm 2001 cho đến nay.

Bà Yều, bà Tào và bà Lén cùng có yêu cầu toàn bộ di sản cụ S để lại sử dụng làm di sản dùng vào việc thờ cúng mà không chia thừa kế; không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu giao cho bị đơn Ông C quản lý toàn bộ di sản để dùng vào việc thờ cúng; đồng thời không yêu cầu được chia thừa kế, nhưng không từ chối quyền thừa kế mà kỷ phần thừa kế của bà Yều, bà Tào và bà Lén sẽ giao cho người thờ cúng được quyền quản lý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Ph trình bày:* Bà là vợ của ông Phạm Văn Huây (Quây), đã chết năm 2020. Bà và ông Quây kết hôn năm 2002, có 01 con chung là Phạm Ng, sinh năm 2013. Cha chồng của bà là cụ ông Phạm L (chết năm 1982), mẹ chồng là cụ bà Nguyễn S (chết năm 2017).

Bà không rõ lúc cha, mẹ chồng của bà còn sống đã tạo dựng được bao nhiêu tài sản. Đến khi cha, mẹ chồng bà chết có để lại 06 công đất và 01 căn nhà tình thương. Trước đó, bà có nghe ông Quây nói cha, mẹ chồng đã chia đều tài sản cho các anh, chị em, riêng phần đất và căn nhà trên do ông Quây là con Út nên vốn sẽ được để lại cho ông Quây. Tuy nhiên, do chồng bà mất sớm, phần đất và căn nhà hiện do Ông C quản lý sử dụng để thờ cúng. Do đó, bà yêu cầu di sản

do cha mẹ chồng bà để lại sẽ được dùng vào việc thờ cúng, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà yêu cầu giao di sản thừa kế cho bị đơn Phạm C quản lý, sử dụng để thờ cúng; bà xin từ chối quyền hưởng thừa kế của bà và con của bà là Phạm Ng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.*

** Tại bản án sơ thẩm số 84/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ), đã tuyên như sau:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm U.

1.1. Phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn S là phần đất có tổng diện tích 7.496m² (bao gồm: Thửa số 16 có diện tích 300m², loại đất ONT; thửa 26 có diện tích 2.602m², loại đất CLN; thửa số 27 có diện tích 4.594m²) thành 06 (sáu) kỷ phần. Trong đó:

Bị đơn Phạm C được quyền sử dụng 02 (hai) kỷ phần bằng hiện vật tương ứng với hai phần sáu của tổng diện tích 7.496m² đất là di sản do cụ Nguyễn S để lại và có nghĩa vụ bồi chia cho nguyên đơn Phạm U giá trị của 01 (một) kỷ phần là 304.568.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu năm trăm sáu mươi tám triệu đồng); được quyền tạm thời quản lý, sử dụng 04 (bốn) kỷ phần còn lại của bà Phạm Y, bà Phạm Thị T, bà Phạm L và bà Phạm Thị C tương ứng với bốn phần sáu của tổng diện tích 7.496m² đất là di sản do cụ Nguyễn S để lại, khi có phát sinh tranh chấp 04 (bốn) kỷ phần này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác (Diện tích và hình thể phần đất theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Công ty cổ phần đo đạc Hoàng Huỳnh Hậu Giang); được quyền quản lý (không được quyền sở hữu) di sản dùng vào việc thờ cúng là căn nhà có diện tích 51,95m², có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền gạch bông (hiện trạng: Đang sử dụng, tường bong tróc, mái tole rỉ sét).

1.2. Đối với các vật kiến trúc khác và cây trồng trên đất do ông Phạm C xây dựng và trồng là thuộc quyền sở hữu của ông Phạm C nên không xem xét chia thừa kế.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/6/2025 bị đơn ông Phạm C có đơn kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông về việc không đồng ý đóng tiền án phí và thanh toán cho nguyên đơn Phạm U số tiền 304.568.000 đồng và ông chỉ đồng ý về diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.600m², không phải diện tích 7.496m² như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự trình bày:

Bị đơn ông Phạm C vẫn giữ kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông về việc không đồng ý đóng tiền án phí và thanh toán cho nguyên đơn Phạm U số tiền 304.568.000 đồng và ông chỉ đồng ý về diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.600m², không phải diện tích 7.496m² như cấp sơ thẩm đã tuyên; yêu cầu được nhận 1 kỷ phần của cụ S để lại và tính công sức đóng góp, gìn giữ, quản lý và cải tạo đất trong suốt thời gian dài trong việc bảo quản di sản cho ông.

Đại diện nguyên đơn: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Phạm L, Phạm Văn T, Phạm Thị C, Phạm Hồng T, Phạm Thị T, Phạm Y, Phạm TC, Phạm VT đều yêu cầu được nhận 1 kỷ phần di sản cụ S để lại chia thừa kế theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự có thay đổi yêu cầu trước đây. Các đồng thừa kế yêu cầu được nhận phần thừa kế mà họ được hưởng theo quy định. Xét nội dung trình bày của các đương sự cũng thuộc phạm vi kháng cáo của Ông C về cách chia và việc thối lại giá trị cho nguyên đơn. Các đồng thừa kế yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ L, cụ S là phần đất có tổng diện tích 7.496m² trong đó: thửa số 16 có diện tích 300m², loại đất ONT; thửa 26 có diện tích 2.602m², loại đất CLN; thửa số 27 có diện tích 4.594m². Việc chia hiện vật là đất chia nhỏ diện tích sẽ khó khăn cho việc tách thửa nên người nào nhận đất sẽ thối giá trị lại cho người khác theo kết quả định giá. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn miễn án phí do là người cao tuổi; sửa bản án sơ thẩm ghi nhận ý kiến các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét về quan hệ tranh chấp*: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về thừa kế tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Ph và con là Phạm Ng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, cấp sơ thẩm và phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] *Về thủ tục kháng cáo*: Sau khi xét xử xong bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Đương sự kháng cáo trong hạn luật định và là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ về mặt hình thức. Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên đã thực hiện đối chiếu với quy định của pháp luật.

Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan: Xét nội dung kháng cáo:

[4] Bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông về việc không đồng ý đóng tiền án phí dân sự sơ thẩm: Ông C sinh năm 1962, hiện nay trên 60 tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông C được miễn toàn bộ án phí và lệ phí Tòa án nên cần điều chỉnh sửa lại án sơ thẩm về án phí đối với Ông C.

[5] Xét việc ông Phạm C kháng cáo cho rằng ông chỉ đồng ý về diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.600m², không phải diện tích 7.496m² như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Căn cứ để xác định có sự chênh lệch về diện tích đất này, phía Ông C cho rằng: Ông không thống nhất với diện tích đo đạc và cho rằng diện tích đất là ít hơn 5.600m² nhưng chỉ là lời nói. Không có số liệu nào để xác định ngoài Phiếu đo đạc như đã nêu trên nên không có cơ sở để xem xét điều chỉnh diện tích đất xác định để đưa ra giải quyết.

Diện tích toàn bộ các phần đất đã được Công ty cổ phần đo đạc Hoàng Huỳnh – Hậu Giang thực hiện đo đạc cụ thể: Thửa số 16 có diện tích 300m², loại đất ONT; thửa 26 có diện tích 2.602m², loại đất CLN; thửa số 27 có diện tích 4.594m² có tổng diện tích là 7.496m² theo phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Như vậy, di sản của cụ L và cụ S chết để lại là 7.496m² đất cùng căn nhà tình thương tọa lạc tại ấp B , xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang, nay là xã P, thành phố Cần Thơ.

[6] Nguyên đơn đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm TC, ông Phạm Văn T, ông Phạm Hồng T, ông Phạm VT và bà Lê Ph từ chối hưởng quyền thừa kế. Án sơ thẩm xác định, di sản của cụ L và cụ S được chia thừa kế theo pháp luật thành 06 kỷ phần cho 06 người còn lại là nguyên đơn, bị đơn, bà Phạm Y, bà Phạm Thị T, bà Phạm L và bà Phạm Thị C. Đối với bà Phạm Thị C nay cũng có mặt để thực hiện quyền yêu cầu chia thừa kế của mình nên không xem xét chia kỷ phần của bà Cúc trong vụ án mà tạm giao cho người đang quản lý di sản tiếp tục quản lý là Ông C nếu có phát sinh yêu cầu sẽ được tiếp tục giải quyết.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thay đổi yêu cầu tạm giao mà yêu cầu được nhận 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật nên cần thiết điều chỉnh lại phân chia như sau:

[6.1] Cụ Nguyễn S chết, không để lại di chúc, nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật theo quy định tại Điều 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015. Cụ L và cụ S chết không để lại di chúc; nguyên đơn cho rằng lúc còn sống cụ S có hứa cho nguyên đơn toàn bộ di sản nêu trên, nhưng không có căn cứ chứng minh. Do đó, như án sơ thẩm phân tích toàn bộ di sản của cụ L và cụ S được chia thừa kế theo pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật dân sự là phù hợp.

Cụ L và cụ S có tất cả 11 người con, gồm: Phạm L, Phạm Văn T, Phạm Thị C, Phạm Hồng T, Phạm C, Phạm Thị T, Phạm Y, Phạm TC, Phạm VT, Phạm U và Phạm Văn Quây (chết năm 2020, có vợ là bà Lê Ph và con là Phạm Ng). Ông Phạm Văn Quây chết sau thời điểm mở thừa kế nên vẫn được xác định là người thừa kế của cụ S; kỷ phần của ông Quây được chia lại cho vợ và con theo pháp luật. Như vậy, những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ L và cụ S có 11 người (trong đó: Ông Phạm Văn Quây chết sau thời điểm mở thừa kế nên vợ của ông Quây là Lê Ph và con là Phạm Ng được hưởng quyền thừa kế chuyển tiếp).

[6.2] Di sản của cụ L và cụ S theo hồ sơ xác định gồm tổng diện tích đất 7.496 m² (gồm thửa 16, 26, 27).

Xét yêu cầu ông Phạm C tính công sức đóng góp trong việc tôn tạo, bảo quản di sản. Nhận thấy, Ông C là người trực tiếp sinh sống tại đây và có công bảo quản, gìn giữ và cải tạo đất trong suốt thời gian dài, có công sức đóng góp

đáng kể trong việc bảo quản di sản, nên cần phải tính cho ông được hưởng thêm 1 kỷ phần trong khối tài sản chung là thỏa đáng.

[6.3] Theo Chứng thư thẩm định giá số 235/2025/76-BDS ngày 02/4/2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất, tổng giá trị toàn bộ quyền sử dụng đất do cụ L và cụ S để lại là 1.827.411.300 đồng; Do có 11 người thừa kế nhưng chia thành 12 kỷ phần, giá trị 01 kỷ phần được xác định: $1.827.411.300 \text{ đồng} : 12 = 152.284.275 \text{ đồng/kỷ phần}$.

[6.4] Theo đó, ông Phạm C được hưởng 02 kỷ phần: $152.284.275 \times 2 = 304.568.550 \text{ đồng}$; Các thừa kế khác mỗi người hưởng 01 kỷ phần: 152.284.275 đồng/người.

[6.5] Đối với ông Phạm Văn Quây (đã chết): kỷ phần của ông Quây (152.284.275 đồng) được chia cho những người thừa kế theo pháp luật của ông Quây (vợ và con) theo Điều 651 Bộ luật dân sự. Do hàng thừa kế của ông Quây gồm 02 người nên mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ kỷ phần: Bà Lê Ph: 76.142.137,5 đồng và Cháu Phạm Ng: 76.142.137,5 đồng.

[6.6] Xét hiện trạng đất không thể chia nhỏ theo hiện vật, việc giao toàn bộ diện tích đất cho một người quản lý là phù hợp thực tế và đảm bảo ổn định. Ông Phạm C đang quản lý, canh tác toàn bộ diện tích đất, có điều kiện duy trì sử dụng đất, nên giao toàn bộ diện tích đất cho Ông C sử dụng. Tuy nhiên, Ông C phải có trách nhiệm hoàn trả giá trị di sản tương ứng cho các đồng thừa kế khác theo đúng kỷ phần. Số tiền Ông C phải hoàn trả: Hoàn trả cho 10 kỷ phần còn lại $= 152.284.275 \times 10 = 1.522.842.750 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành án các bên có quyền yêu cầu thi hành án bán phát mãi tài sản để các đương sự được nhận theo kỷ phần.

[6.7] Di sản là căn nhà 51,95m² được các đương sự thống nhất dùng vào việc thờ cúng, phù hợp Điều 645 Bộ luật dân sự nên không chia; giao ông Phạm C quản lý, không được định đoạt.

[7] Các công trình, cây trồng do ông Phạm C tạo lập sau khi cụ S chết không phải là di sản nên không xem xét chia. Riêng đối với căn nhà tình thương được Nhà nước cấp cho cụ S, đồng thời đây được xem là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không xem xét chia thừa kế mà giao cho người thực hiện việc thờ cúng tiếp tục quản lý.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được nhận thừa kế phải chịu án phí sơ thẩm.

[8.1] Bà Phạm L, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị C, ông Phạm Hồng T, bà Phạm Thị T, ông Phạm C được miễn án phí do là người cao tuổi nên cùng được xem xét miễn án phí.

[8.2] Bà Phạm Y, bà Phạm TC, ông Phạm VT, bà Phạm U và bà Lê Ph mỗi người phải chịu án phí là 7.614.214 đồng. Đối với bà Phạm U được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.750.000 đồng còn lại bà Phạm U được nhận lại số tiền là 2.135.759 đồng.

[9] Về chi phí tố tụng: Số tiền 8.540.000 đồng (tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) chia đều cho 11 người nhận thừa kế, mỗi người phải chịu 776.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), đã làm tròn. Bà Phạm L, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị C, ông Phạm Hồng T, bà Phạm Thị T, ông Phạm C, bà Phạm Y, bà Phạm TC, ông Phạm VT và bà Lê Ph mỗi người phải chịu 776.000 đồng để giao trả lại cho bà Phạm U do đã tạm ứng trước.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm C được miễn án phí do là người cao tuổi.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phạm C về việc yêu cầu kháng cáo được miễn án phí do là người cao tuổi.

Sửa bản án sơ thẩm số 84/2025/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm U.

1. Phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn S là phần đất có tổng diện tích 7.496m² (bao gồm: Thửa số 16 có diện tích 300m², loại đất ONT; thửa 26 có diện tích 2.602m², loại đất CLN; thửa số 27 có diện tích 4.594m²) thành 12 (mười hai) kỷ phần. Trong đó:

Công nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn S gồm toàn bộ diện tích 7.496 m² đất, giá trị theo Chứng thư thẩm định giá ngày 02/4/2025 là 1.827.411.300 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm mười một nghìn ba trăm đồng).

Chia di sản theo giá trị thành 12 kỷ phần, giá trị mỗi kỷ phần là: 152.284.275 đồng/kỷ phần.

Xác định kỷ phần thừa kế: Ông Phạm C được hưởng 02 kỷ phần = 304.568.550 đồng. Các thừa kế còn lại: mỗi người 01 kỷ phần gồm Phạm L, Phạm Văn T, Phạm Thị C, Phạm Hồng T, Phạm Thị T, Phạm Y, Phạm TC, Phạm VT, Phạm U và Phạm Văn Quây (chết năm 2020, có vợ là bà Lê Ph và con là Phạm Ng là 152.284.275 đồng.

Về kỷ phần của ông Phạm Văn Quây (đã chết): Bà Lê Ph được hưởng: 76.142.137,5 đồng và Cháu Phạm Ng được hưởng: 76.142.137,5 đồng.

2. Ông Phạm C được quyền sử dụng toàn bộ các thửa đất có diện tích 7.496m² theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Công ty cổ phần đo đạc Hoàng Huỳnh Hậu Giang; sau khi hoàn giá trị suất thừa kế số tiền cho các ông/ bà sau:

- Phạm L số tiền 152.284.275 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Phạm Văn T số tiền 152.284.275 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Phạm Thị C số tiền 152.284.275 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Phạm Hồng T, số tiền 152.284.275 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Phạm Thị T số tiền 152.284.275 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Phạm Y số tiền 152.284.275 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Phạm TC số tiền 152.284.275 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Phạm VT số tiền 152.284.275 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Phạm U số tiền 152.284.275 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Về kỷ phần của ông Phạm Văn Quây (đã chết): Bà Lê Ph được hưởng: 76.142.137,5 đồng và cháu Phạm Ng được hưởng: 76.142.137,5 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.1 Ông Phạm C được quyền quản lý (không được quyền sở hữu) di sản dùng vào việc thờ cúng là căn nhà có diện tích 51,95m², có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền gạch bông (hiện trạng: Đang sử dụng, tường bong tróc, mái tole rỉ sét).

2.2 Đối với các vật kiến trúc khác và cây trồng trên đất do ông Phạm C xây dựng và trồng là thuộc quyền sở hữu của ông Phạm C nên không xem xét chia thừa kế, bao gồm:

- Về vật kiến trúc: Mái che trước có diện tích: 42,75m², kích thước: 4,5 x 9,5 (m), có kết cấu: Khung cột thép tiền chế, mái tole, nền xi măng (hiện trạng: Đang sử dụng, khung thép và mái tole rỉ sét). Hàng rào trước có diện tích: 64,53m², kích thước: 2,7 x 23,9 (m), có kết cấu: Trụ đà bê tông cốt thép, chân xây tường 10, trên rào lưới B40 (hiện trạng: Đang sử dụng, lưới B40 rỉ sét). Mái che bên có diện tích: 57,50m², kích thước: 5 x 11,5 (m), có kết cấu: Khung cột thép tiền chế, mái tole, nền gạch bông (hiện trạng: Đang sử dụng, mái tole rỉ sét). Hàng rào bên có diện tích: 20,70m², kích thước: 1,8 x 11,5 (m), có kết cấu: Trụ thép tiền chế, chân xây tường 10, trên rào lưới B40 (hiện trạng: Đang sử dụng, lưới B40 rỉ sét). Phòng ngủ có diện tích 22,54 m², kích thước: 4,6 x 4,9 (m), có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền gạch bông (hiện trạng: Đang sử dụng, tường bong tróc, mái tole rỉ sét). Nhà sau có diện tích: 23,75 m², kích thước: 2,5 x 9,5 (m), có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép, vách tole, mái tole, nền xi măng (hiện trạng : Đang sử dụng, mái tole rỉ sét). Mái che sau có diện tích: 39,56 m², kích thước: 4,3 x 9,2 (m), có kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép đúc sẵn, mái tole, nền gạch tàu (hiện trạng: Đang sử dụng, mái tole rỉ sét).

- Về cây trồng: Vú sữa loại A: 04 cây; Xoài loại A: 05 cây; Mãng cầu loại A: 01 cây; Khế loại A: 01 cây; Dừa loại A: 6 cây; Chuối loại A: 15 cây; Mít loại A: 06 cây; Ổi loại A: 01 cây; Cóc loại A: 01 cây; Mãng cầu loại C: 01 cây; Dừa loại C: 09 cây; Chuối loại C: 27 cây; Mít loại C: 02 cây; Dừa loại D: 03 cây; Chuối loại D: 35 cây; Sắn loại A: 03 cây; Sắn loại C: 02 cây; Tràm bông vàng loại D: 02 cây; Tràm loại C: 03 cây; Mai vàng có ĐK từ 03-05 cm: 03 cây.

2.3 Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với các đồng thừa kế nêu trên thì ông Phạm C được quyền liên hệ với cơ quan chức năng tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa số 16 có diện tích 300m², loại đất ONT; thửa 26 có diện tích 2.602m², loại đất CLN; thửa số 27 có diện tích 4.594m², loại đất HNK (hình thể và diện tích thể hiện theo Phiếu đo đạc chính lý thửa đất ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Công ty cổ phần đo đạc Hoàng Huỳnh Hậu Giang) theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được nhận thừa kế để phải chịu án phí sơ thẩm.

3.1 Bà Phạm L, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị C, ông Phạm Hồng T, bà Phạm Thị T, ông Phạm C do là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3.2 Bà Phạm Y, bà Phạm TC, ông Phạm VT, bà Phạm U và bà Lê Ph mỗi người phải chịu án phí là 7.614.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng).

3.3 Đối với bà Phạm U được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007171 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Cần Thơ) thành án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm U được nhận lại số tiền là 2.136.000 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Số tiền 8.540.000 đồng (tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Buộc bà Phạm L, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị C, ông Phạm Hồng T, bà Phạm Thị T, ông Phạm C, bà Phạm Y, bà Phạm TC, ông Phạm VT, bà Phạm U và bà Lê Ph mỗi người phải chịu 776.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Bà Phạm U đã nộp đủ 8.540.000 đồng (tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) nên đã nộp xong. Các đương sự còn lại tại phần [4] của quyết định này phải nộp để trả lại cho bà Phạm U.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm C được miễn án phí do là người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, (Ngày 10 tháng 12 năm 2025).

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV 13 - Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án DS KV 13 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Minh Trang